

## QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt và triển khai Đề án hỗ trợ sinh viên quá thời gian đào tạo chuẩn hoàn thành chương trình đào tạo của trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp

### HIỆU TRƯỞNG

#### TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Căn cứ vào nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGD&ĐT ngày 14/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ vào Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 460/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/8/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 908/QĐ-ĐHKTCN ngày 14/9/2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học hình thức vừa làm vừa học theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 71/QĐ-ĐHKTCN ngày 20/12/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế tổ chức đào tạo Chương trình tiên tiến giáo dục đại học theo hệ thống tín chỉ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Giám đốc Trung tâm HTQT.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt và triển khai Đề án hỗ trợ sinh viên quá thời gian đào tạo chuẩn hoàn thành chương trình đào tạo của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng phòng Đào tạo, Giám đốc Trung tâm HTQT, các Khoa, các đơn vị có liên quan và cá nhân chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: HN  
- BGH (để báo cáo);  
- Như điều 3;  
- Lưu: VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG  
PGS. TS. Nguyễn Duy Cường



Thái Nguyên, ngày 16 tháng 6 năm 2021

**ĐỀ ÁN**  
**HỖ TRỢ SINH VIÊN QUÁ THỜI GIAN ĐÀO TẠO CHUẨN HOÀN**  
**THÀNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**1. THỰC TRẠNG VỀ SINH VIÊN QUÁ THỜI GIAN ĐÀO TẠO CHUẨN**

**1.1. Thực trạng về sinh viên quá thời gian đào tạo chuẩn**

Quy mô đào tạo hiện tại của Nhà trường khoảng 7.000 sinh viên bao gồm các hệ đào tạo: đại học chính quy và vừa làm vừa học (VLVH); chương trình tiên tiến (CTTT); liên thông từ cao đẳng lên đại học và văn bằng 2 hệ chính quy và VLVH, v.v.

Theo thông kê ở thời điểm 20/5/2021, số sinh viên quá thời gian đào tạo (TGĐT) chuẩn nhưng chưa tốt nghiệp còn khá lớn (*thời gian đào tạo chuẩn với khối ngành kỹ thuật là 5 năm; khối Kinh tế - Công nghệ là 4 năm*). Số liệu tham khảo ở bảng 1.

**Bảng 1. Tổng hợp số liệu sinh viên quá thời gian đào tạo chuẩn.**

| ĐẠI HỌC CHÍNH QUY      |                       |                   |                   |                       |                     |                        |                                 |
|------------------------|-----------------------|-------------------|-------------------|-----------------------|---------------------|------------------------|---------------------------------|
| TT                     | Khoa                  | SV hết TGĐT chuẩn | Hết TGĐT cho phép | Sắp hết TGĐT cho phép | Khó hoàn thành CTĐT | Có thể hoàn thành CTĐT | Số học phí sinh viên còn nợ (đ) |
| 1                      | Xây dựng - Môi trường | 114               | 25                | 2                     | 13                  | 76                     | 462.931.015                     |
| 2                      | Công nghệ Cơ, điện-ĐT | 106               | 11                | 8                     | 18                  | 77                     | 141.384.775                     |
| 3                      | Kinh tế Công nghiệp   | 35                | 13                | 8                     | 6                   | 16                     | 45.895.329                      |
| 4                      | KT Ô tô & MĐL         | 75                | 7                 | 24                    | 17                  | 51                     | 229.967.729                     |
| 5                      | Cơ khí                | 472               | 76                | 26                    | 40                  | 356                    | 714.789.086                     |
| 6                      | Điện tử               | 172               | 34                | 5                     | 49                  | 84                     | 234.705.061                     |
| 7                      | Điện                  | 381               | 52                | 21                    | 78                  | 251                    | 658.035.279                     |
|                        | <b>Tổng</b>           | <b>1.355</b>      | <b>218</b>        | <b>94</b>             | <b>221</b>          | <b>911</b>             | <b>2.487.768.274</b>            |
| CHƯƠNG TRÌNH TIÊN TIẾN |                       |                   |                   |                       |                     |                        |                                 |
| 1                      | CTTT, Liên kết ĐT     | <b>90</b>         | 12                | 4                     | 6                   | 72                     | <b>803.000.000</b>              |
| HỆ PHI CHÍNH QUY       |                       |                   |                   |                       |                     |                        |                                 |
| 1                      | VLVH, Liên thông      | <b>255</b>        | 102               | 53                    | 121                 | 22                     |                                 |
|                        | <b>Tổng các hệ ĐT</b> | <b>1.700</b>      | <b>332</b>        | <b>151</b>            | <b>239</b>          | <b>1.005</b>           | <b>3.290.768.274</b>            |

Ghi chú: Số liệu trên bao gồm cả sinh viên thuộc đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên.



a. Tổng số sinh viên quá TGĐT chuẩn là **1.700** (trên quy mô 7000 SV, chiếm 24,3%). Trong đó đại học chính quy **1355** SV; CTTT **90** SV (trên 176 SV đang học bình thường, chiếm 51,1%); các hệ phi chính quy **255** SV.

b. Số sinh viên đã hết TGĐT cho phép theo quy chế đào tạo (thời gian đào tạo cho phép với khối ngành kỹ thuật là 10 năm, cụ thể khóa K46 về trước; 8 năm với khối ngành kinh tế - công nghệ, cụ thể từ K49 trở về trước) là **322** sinh viên (trên tổng số 1.700 SV quá TGĐT chuẩn, chiếm 18,9%).

c. Số sinh viên sắp hết thời gian đào tạo cho phép (thời gian đào tạo cho phép còn lại chỉ còn khoảng 01 học kỳ. Với khối kỹ thuật là K47 và tương đương, với khối kinh tế - công nghệ là K49 và tương đương) là **151** sinh viên.

d. Số sinh viên khó hoàn thành CTĐT để tốt nghiệp được hiểu là còn thời gian đào tạo nhưng kết quả học tập quá thấp (số tín chỉ tích lũy, điểm TBC tích lũy thấp) nên khó (hoặc không có) khả năng hoàn thành CTĐT. Tổng là **239** sinh viên, trong đó các hệ phi chính quy **121** SV (trên tổng số 255 SV hết TGĐT chuẩn, chiếm 47,4%).

d. Số sinh viên còn lại có khả năng hoàn thành CTĐT để tốt nghiệp (nếu Nhà trường có giải pháp hợp lý và sinh viên thực sự cố gắng) là **1.005** SV (trên quy mô 7.000 SV, chiếm 14,4%).

e. Sinh viên bỏ học không lý do: một số sinh viên đã bỏ học không lý do nhưng đến nay vẫn chưa có quyết định để xóa tên trong hệ thống, cụ thể như CTTT có 145 SV, v.v.

g. Nợ đọng học phí: trong các đối tượng thuộc diện trên còn nhiều số sinh viên nợ học phí với số lượng khá lớn (CTTT 803.000.000 đ; chính quy 2.487.768.274 đ. Chưa kê hệ VLVH thì tổng số học phí số sinh viên này còn nợ 3.290.768.274 (Ba tỷ hai trăm chín mươi triệu bảy trăm sáu tám nghìn hai trăm bảy tư đồng). Trong số này chỉ có khả năng thu được một phần đối với số sinh viên có khả năng hoàn thành CTĐT.

## **1.2. Về Chương trình đào tạo (CTĐT)**

Trong những năm vừa qua, Nhà trường nhiều lần rà soát, điều chỉnh và bổ sung chương trình đào tạo, dẫn đến một số học phần không còn trong chương trình đào tạo mới và một số học phần có điều chỉnh số tín chỉ, vì vậy việc đăng ký học để trả các học phần chưa đạt (còn nợ) của một số sinh viên theo học chương trình đào tạo cũ bị chậm tiến độ, gặp rất nhiều khó khăn nếu không có sự hỗ trợ của cố vấn học tập.

Bên cạnh đó, còn một số ngành/ chuyên ngành (Xây dựng dân dụng và công nghiệp, Kỹ thuật môi trường, Kỹ thuật vật liệu, Sư phạm kỹ thuật công nghiệp ...) có số lượng sinh viên tuyển sinh trong một khóa rất ít nên sinh viên muốn đăng ký học lại, học ghép cũng rất khó khăn để có thể tổ chức được lớp đào tạo theo quy định hiện hành.

## **1.3. Việc quản lý của Nhà trường, khoa**

Nhà trường chưa có quy định về việc quản lý sinh viên thuộc đối tượng đã học quá thời gian đào tạo chuẩn nhưng chưa hoàn thành chương trình đào tạo. Chưa có cơ chế và chưa xây dựng giải pháp triệt để hỗ trợ sinh viên hoàn thành khóa học.



Các phòng chức năng, các khoa, giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập chưa sâu sát, chưa thực sự quan tâm, theo dõi và tư vấn để sinh viên học tập hoàn thành chương trình đào tạo.

#### **1.4. Trách nhiệm của sinh viên**

Sinh viên chưa thực sự quan tâm đến công việc học tập của mình. Sinh viên muốn hoàn thành CTĐT phải chủ động xây dựng kế hoạch học tập, theo dõi các học phần Nhà trường mở ở học kỳ chính và học kỳ hè để đăng ký khối lượng học tập, v.v. Tuy nhiên sinh viên chưa làm tốt việc này.

Một số sinh viên đã có việc làm nên không còn thời gian và không quan tâm đến kết quả học tập dẫn đến tình trạng quá TGĐT chuẩn.

#### **1.5. Đề xuất**

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy chế đào tạo đại học chính quy ban hành theo Quyết định số 460/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/8/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp và các quy định hiện hành. Căn cứ tình hình thực tế tại Trường như phân tích ở phần trên, Phòng Đào tạo, TT HTĐTQT đề xuất Nhà trường xây dựng: **“Đề án hỗ trợ sinh viên quá thời gian đào tạo chuẩn hoàn thành chương trình đào tạo”** để sinh viên có cơ hội học tập hoàn thành CTĐT trên cơ sở đảm bảo chất lượng đào tạo, đảm bảo chuẩn đầu ra của CTĐT.

## **2. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN**

### **2.1. Mục tiêu chung**

Hạn chế tối đa tình trạng sinh viên quá TGĐT chuẩn và quá TGĐT cho phép. Giúp sinh viên quá TGĐT chuẩn còn khả năng có cơ hội để hoàn thành CTĐT và tốt nghiệp trong thời gian còn lại, tránh lãng phí cho gia đình sinh viên và tránh lãng phí cho xã hội.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể**

- Tạo cơ hội để số sinh viên còn khả năng có thể hoàn thành CTĐT trong khoảng thời gian cho phép còn lại.

- Xóa tên đối với sinh viên qua thời TGĐT cho phép, sinh viên tự ý bỏ học, sinh viên không còn khả năng hoàn thành CTĐT nhằm chuẩn hóa số liệu trong hệ thống, khắc phục tình trạng quy mô ảo trong hệ thống quản lý.

- Tận thu số học phí sinh viên còn nợ (*đối với các đối tượng còn khả năng hoàn thành CTĐT*), xóa số nợ ảo trong hệ thống quản lý.

- Tạo cơ sở, kinh nghiệm để có giải pháp giúp sinh viên hoàn thành CTĐT theo đúng thời gian quy định cho giai đoạn tới.

### **2.3. Đối tượng của đề án**

Sinh viên hệ đại học chính quy; sinh viên CTTT; văn bằng 2; hệ liên thông từ cao đẳng lên đại học; hệ VLVH cuối khóa chậm tiến độ hoặc quá thời gian đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo.





### **3. NỘI DUNG, GIẢI PHÁP CỦA ĐỀ ÁN**

#### **3.1. Đối với sinh viên quá TGĐT cho phép, sinh viên bỏ học không lý do và sinh viên không có khả năng hoàn thành CTĐT**

##### **Giải pháp:**

- Đối với sinh viên quá TGĐT cho phép, các phòng chức năng phối hợp với các khoa rà soát lại lần cuối số liệu, bổ sung các đối tượng ưu tiên, thông báo cho sinh viên được biết. Hết thời hạn thông báo, Nhà trường ra quyết định xóa tên theo đúng quy định hiện hành.

- Đối với sinh viên bỏ học không lý do ra quyết định xóa tên khỏi hệ thống.

- Đối với sinh viên còn thời gian đào tạo nhưng không có (hoặc khó có) khả năng hoàn thành CTĐT, các khoa tư vấn cho sinh viên. Nếu sinh viên không phản hồi hoặc không có nguyện vọng học tiếp thì xóa tên khỏi hệ thống.

- Với các sinh viên này muốn rút hồ sơ thì phải hoàn thành phần học phí còn nợ.

#### **3.2. Đối với sinh viên còn thời gian và có khả năng hoàn thành CTĐT**

##### **Giải pháp:**

- Tổ chức đào tạo để sinh viên có cơ hội học tập, phương thức đào tạo trực tuyến hay trực tiếp tùy thuộc tình hình cụ thể cho phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường. Điều kiện để sinh viên được đăng ký học là phải hoàn thành học phí còn nợ đến trước thời điểm đăng ký học.

- Hình thức mở lớp và đăng ký: sinh viên có thể đăng ký học cùng các lớp học phần do Nhà trường tổ chức trong học kỳ hè hoặc các học kỳ chính. Với các lớp ít sinh viên, các học phần không còn trong CTĐT hiện hành hoặc sinh viên có nguyện vọng thì mở lớp học phần riêng trên nguyên tắc lấy thu bù chi.

- Đối với sinh viên sắp hết TGĐT cho phép (*K47 với khối ngành kỹ thuật, K49 với khối kinh tế - công nghệ*) cần có sự ưu tiên trong việc mở lớp và đăng ký (*thực chất với đối tượng này chỉ còn 01 học kỳ*).

- Phòng đào tạo, TT HTĐTQT, các phòng chức năng liên quan, các khoa, giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập phối hợp để việc mở lớp, đăng ký học và triển khai kế hoạch đào tạo mềm dẻo linh hoạt, hiệu quả trên cơ sở thực hiện đúng các quy chế, các quy định hiện hành và đảm bảo chất lượng đào tạo.

#### **3.3. Thời gian thực hiện**

Bắt đầu triển khai thực hiện từ học kỳ 3 (kỳ hè) năm học 2020-2021, sau khi kết thúc học kỳ tiếp tục rà soát, đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm để tiếp tục triển khai ở các học kỳ tiếp theo.

### **4. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ**

Để tổ chức thực hiện nội dung của đề án, Nhà trường phân công các phòng chức năng, trung tâm, các khoa, bộ môn thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể như sau:



#### **4.1. Phòng Đào tạo, Trung tâm HTĐTQT**

- Tổng hợp dữ liệu chi tiết của sinh viên bao gồm: Khóa học, số tín chỉ còn nợ, học phần cần học để hoàn thành CTĐT của sinh viên gửi cho các khoa.

- Tổ chức đăng ký học: Sinh viên đăng ký trực tuyến trên trang đăng ký môn học của Nhà trường hoặc viết đơn đăng ký học gửi văn phòng khoa, văn phòng khoa tổng hợp gửi lên Phòng Đào tạo. Sinh viên hệ VLVH có thể đăng ký học ghép lớp với sinh viên chính quy.

- Phối hợp với khoa, bộ môn tổ chức các lớp học phần (*Quyết định thành lập lớp, mức học phí, kế hoạch học tập, danh sách dự thi, kế hoạch thi...*). Lớp học phần theo nguyện vọng có thể được thực hiện theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao.

#### **4.2. Phòng Công tác HSSV**

- Phối hợp với các phòng chức năng trong việc tổng hợp dữ liệu sinh viên, phối hợp với các khoa để chỉ đạo, triển khai tốt công tác giảng viên chủ nhiệm, cố vấn học tập.

- Phối hợp với Phòng Kế hoạch - Tài chính trong việc thu học phí đối với sinh viên bị xóa tên hoặc bị buộc thôi học trước khi cho rút hồ sơ.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao.

#### **4.3. Các Khoa, TT thực nghiệm, Bộ môn trực thuộc trường (gọi chung là Khoa)**

- Tổ chức phân loại sinh viên theo khả năng hoàn thành chương trình đào tạo, tư vấn sinh viên xây dựng kế hoạch học tập, tư vấn sinh viên đăng ký khối lượng học tập để hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ngắn nhất có thể; phân công giảng dạy cho các lớp học phần được đề xuất mở.

- Triển khai kế hoạch đào tạo của Nhà trường.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao.

#### **4.4. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục**

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của phòng trong công tác in, sao, quản lý đề thi và chỉ đạo công tác thi theo đúng quy định.

#### **4.5. Phòng Thanh tra - Pháp chế**

Tổ chức thanh tra, kiểm tra quá trình tổ chức, quản lý và triển khai kế hoạch đào tạo theo chức năng nhiệm vụ được giao.

#### **4.6. Phòng Kế hoạch - Tài chính**

- Tham mưu, tư vấn cho Nhà trường về công tác tài chính của Đề án.

- Thu số học phí sinh viên thuộc Đề án còn nợ, đề xuất phương án giải quyết số nợ không có khả năng thu.

- Tổ chức thu học phí và thanh toán cho các đơn vị, giảng viên theo định mức thu chi của đề án theo đúng quy định.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao.

#### **4.7. Các đơn vị chức năng khác**



Thực hiện các nhiệm vụ do Nhà trường phân công theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao.

## **5. KINH PHÍ CỦA ĐỀ ÁN**

### **5.1. Học phí và thu học phí**

a) Sinh viên đăng ký học cùng các lớp học phần Nhà trường tổ chức trong học kỳ hè năm học hoặc các học kỳ chính. Sinh viên đóng học phí như quy định học lại, học bổ sung đối với sinh viên đang học chính khóa, cụ thể như sau:

- Mức học phí tiêu chuẩn, hệ số 1,0 cho lớp có số lượng từ 30 sinh viên trở lên:

+ Đối với Chương trình đại học đại trà thực hiện theo Quyết định số 917/QĐ-ĐHKTCN ngày 16/8/2020 ban hành về quy định mức học phí năm học 2020-2021,

+ Đối với Chương trình tiên tiến thực hiện theo Quyết định số 1544/QĐ-ĐHKTCN ngày 17/8/2020 ban hành quy định về mức học phí cho các ngành đào tạo thuộc Chương trình tiên tiến tại Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp.

- Những lớp có số lượng nhỏ hơn 30 sinh viên, học phí được tính theo hệ số như sau:

|                            |           |
|----------------------------|-----------|
| Lớp từ 6 đến 10 sinh viên  | hệ số 1,5 |
| Lớp từ 11 đến 19 sinh viên | hệ số 1,3 |
| Lớp từ 20 đến 29 sinh viên | hệ số 1,1 |

Nhà trường không tổ chức lớp đại trà khi số sinh viên đăng ký học nhỏ hơn 06 sinh viên/ 01 lớp học phần.

b) Đối với các lớp học riêng cho các học phần không có trong CTĐT hiện tại hoặc lớp mở theo nguyện vọng của sinh viên thì học phí được thu theo thỏa thuận trên nguyên tắc lấy thu bù chi và sinh viên hoàn toàn tự nguyện.

Mức học phí được tính toán, điều chỉnh dựa trên mức học phí học kỳ hè có nhân hệ số phù hợp với số lượng sinh viên của từng lớp học phần học riêng trên cơ sở thu bù chi, cụ thể:

- Lớp có số lượng dưới 6 sinh viên:

+ Đối với Chương trình đại học đại trà: 950.000 đồng/ 01 tín chỉ/ 01 sinh viên.

+ Đối với Chương trình tiên tiến và Liên kết đào tạo quốc tế: 1.450.000 đồng/01 tín chỉ/01 sinh viên.

- Đối với các học phần thực tập tại Trung tâm Thực nghiệm sinh viên phải tự túc vật tư.

Đơn giá thu học phí của các học phần học riêng tùy theo từng thời điểm sẽ được phòng Đào tạo tính toán điều chỉnh cho phù hợp và báo cáo xin ý kiến Hiệu trưởng.

### **5.2. Nội dung chi, mức chi**

Học phí học lại của sinh viên đã học quá thời gian đào tạo chuẩn được Nhà trường thống kê và phân bổ gồm chi phí trực tiếp (Bảng 2) và chi phí gián tiếp (Tổng thu trừ đi phần chi phí trực tiếp - bảng 3)



**Bảng 2. Chi phí trực tiếp (Tính trên 100% tổng thu)**

| TT | Nội dung chi   | Mức chi           |
|----|--|-------------------|
| 1  | Chi cho giáo viên giảng dạy  | Theo Quy chế CTNB |
| 2  | Chi khấu hao CSVC, tiền điện, tiền nước                            | 20%               |
| 3  | Chi trực tiếp cho tổng hợp và xử lý số liệu                        | 5%                |
| 4  | Chi trực tiếp cho công tác quản lý và xử lý số liệu về thu học phí | 2%                |

**Bảng 3. Chi phí gián tiếp (Tính trên 100% chi phí gián tiếp)**

| TT          | Nội dung chi   | Mức chi     |
|-------------|--|-------------|
| 1           | Quản lý vĩ mô  | 25%         |
| 2           | Quản lý của Khoa (phân chia theo tỷ lệ học phí thu được) | 25%         |
| 3           | Quản lý, tổ chức đào tạo                                 | 35%         |
| 3.1         | Phòng Đào tạo, TT HTĐTQT (theo tỷ học phí thu được)      | 15,0%       |
| 3.2         | Phòng Công tác HSSV                                      | 3,5%        |
| 3.3         | Phòng Khảo thí và ĐBCLGD                                 | 3,0%        |
| 3.4         | Phòng Kế hoạch - Tài chính                               | 5,0%        |
| 3.5         | Phòng Hành chính - Tổ chức                               | 2,0%        |
| 3.6         | Phòng Thanh tra - Pháp chế                               | 2,0%        |
| 3.7         | Phòng QTPV   | 1,5%        |
| 3.8         | Trung tâm Thông tin - Thư viện                           | 1,5%        |
| 3.9         | Trung tâm DVTH   | 1,5%        |
| 4           | Bổ sung quỹ phúc lợi Nhà trường                          | 15%         |
| <b>Tổng</b> |  | <b>100%</b> |



## 6. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI

Nhà trường giao cho các tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện Đề án theo đúng tinh thần và nội dung được phê duyệt. Trong quá trình triển khai, nếu có các vấn đề phát sinh thì báo cáo, xin ý kiến Ban Giám hiệu./. *ho*

HIỆU TRƯỞNG  
  
  
 PGS.TS. Nguyễn Duy Cường